

Số: **46** /GP-UBND

Quảng Ngãi, ngày **06** tháng 7 năm 2018

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGAI	
ĐẾN	Số: 65.68
	Ngày: 06/7/2018
	Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Cấp nước thô cho Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất - tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Cấp nước thô cho Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất (giai đoạn 1);

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất ngày 05/3/2018 và hồ sơ kèm theo; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2940/STNMT-TNN ngày 29/6/2018 kèm theo Văn bản số 2939/TĐHS-STNMT ngày 29/6/2018 về việc thẩm định hồ sơ Đề án khai thác, sử dụng nước mặt Dự án Cấp nước thô cho Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất (giai đoạn 1),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất, địa chỉ tại Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi khai thác, sử dụng nước mặt, với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Dự án cấp nước thô cho Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất (giai đoạn 1).

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp nước sản xuất công nghiệp và sinh hoạt trong Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất.

3. Nguồn nước khai thác sử dụng: Nước mặt sông Trà Bồng.

4. Vị trí công trình khai thác, sử dụng nước: Tọa độ tìm các hạng mục chính của công trình khai thác (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108 độ, múi chiều 3 độ) cụ thể như sau:

- Tọa độ điểm lấy nước: $X(m) = 1695.753$; $Y(m) = 582.980$;

- Tọa độ trạm bơm số 01 (đầu mối công trình): Vị trí tại thôn Đông Yên 3, xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

$X_1(m) = 1695.756,325$; $Y_1(m) = 583022,596$.

$X_2(m) = 1695.752,374$; $Y_2(m) = 582970,909$.

- Tọa độ trạm bơm số 02 (trạm bơm dự phòng): Vị trí tại thôn Thượng Hòa, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

$X_1(m) = 1697.021,450$; $Y_1(m) = 584.926,324$.

$X_2(m) = 1696.991,836$; $Y_2(m) = 584.930,257$.

- Tọa độ đập Cà Ninh: Vị trí tại các xã Bình Phước, Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

$X_1(m) = 1696.875,80$; $Y_1(m) = 584.643,56$.

$X_2(m) = 1696.868,99$; $Y_2(m) = 586.167,95$.

- Tọa độ hồ Bình Đông: Vị trí tại thôn Tân Hy, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

$X(m) = 1699.140,68$; $Y(m) = 584.782,81$.

5. Chế độ khai thác:

- Số giờ lấy nước trung bình trong ngày: 17 giờ 35 phút;

- Số ngày lấy nước: 365 ngày trong năm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng: 49.188 m³/ngày đêm, cấp nước cho các mục đích cụ thể sau:

STT	Mục đích cấp nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /h) – Giai đoạn 1
1	Nước công nghiệp cho sản xuất	
1.1	Nhà máy luyện gang – Xưởng thiêu kết	62,5
1.2	Nhà máy luyện gang – Xưởng lò cao	385
1.3	Nhà máy luyện thép	345
1.4	Nhà máy cán thép	185
1.5	Nhà máy luyện cốc và phát điện	618
1.6	Xưởng chế biến nguyên liệu	90

STT	Mục đích cấp nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /h) – Giai đoạn 1
1.7	Nhu cầu khác	92
	Cộng	1.777,5 m³/h (42.660 m³/ngđ)
2	Nước cấp cho sinh hoạt	
2.1	Nhà máy luyện gang	5
2.2	Nhà máy luyện thép và cán thép	8
2.3	Nhà máy luyện cốc và phát điện	2,5
2.4	Nhà máy cơ điện	0,5
2.5	Xưởng chế biến nguyên liệu	2
2.6	Xưởng nghiền xi măng	0,5
2.7	Khu cảng	0,5
2.8	Khu văn phòng, điều hành	2
2.9	Nhu cầu khác	1
	Cộng	22 m³/h (528 m³/ngđ)
3	Nước làm mềm cho sản xuất	
3.1	Nhà máy luyện gang	65
3.2	Nhà máy luyện thép	70
3.3	Nhà máy cán thép	25
3.4	Nhà máy luyện cốc và phát điện	10
3.5	Xưởng chế biến nguyên liệu	10
	Cộng	180 m³/h (4.320 m³/ngđ)
4	Nước khử khoáng cho sản xuất	
4.1	Nhà máy luyện cốc và phát điện	70
	Cộng	70 m³/h (1.680 m³/ngđ)
	Tổng lượng nước sử dụng của dự án	2.049,5 m³/h (49.188 m³/ngđ)

7. Phương thức khai thác, sử dụng:

Trạm bơm số 1 (nhà trạm buồng ướn, máy bơm chìm) lấy nước trực tiếp từ sông Trà Bồng dẫn về Khu liên hợp qua tuyến ống chính số 1 và dẫn về hồ Cà Ninh qua tuyến ống số 3. Trường hợp tuyến ống chính bị sự cố hoặc vào mùa lũ chất lượng nước sông Trà Bồng không đảm bảo sẽ sử dụng trạm bơm dự phòng (trạm bơm số 02) bơm nước từ hồ Cà Ninh về Khu liên hợp và dẫn nước từ hồ Bình Đông về Khu liên hợp qua tuyến ống dự phòng tự chảy.

Nước thô được khai thác dẫn về Khu liên hợp sẽ được đưa về trạm xử lý nước trung tâm (bao gồm hệ thống điều chế và sản xuất nước công nghiệp) để xử lý. Nước sau khi xử lý sẽ được cung cấp sử dụng hoặc tiếp tục xử lý để đạt yêu cầu chất lượng nước của từng mục đích sử dụng.

8. Thời hạn của giấy phép: 05 năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Lắp đặt thiết bị đo đạc lưu lượng khai thác, mực nước tại các hồ, chất lượng nước trong quá trình khai thác; thực hiện việc quan trắc và truyền thông tin, dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước để Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

3. Bố trí thiết bị, nhân lực để thực hiện việc vận hành công trình, quan trắc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước của công trình; lập sổ theo dõi lượng nước khai thác, sử dụng hàng ngày, tháng, năm.

4. Thực hiện theo đúng nội dung Văn bản số 325/HPDQ-P.ATMT ngày 10/5/2018 của Công ty, trong đó cần đảm bảo lưu lượng dòng chảy tối thiểu cho sông Trà Bồng không làm ảnh hưởng nguồn nước ngầm khu vực và đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của nhân dân các xã Bình Đông, Bình Phước và dọc sông Trà Bồng (các xã Bình Dương, Bình Thới, Bình Nguyên, Bình Trung, Bình Chương và thị trấn Châu Ổ), đảm bảo không để xảy ra tình trạng xâm nhập mặn.

5 Phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan trong việc quản lý bảo vệ nguồn nước theo quy định hiện hành.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và các cơ quan, đơn vị liên quan; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác, sử dụng nước của công trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

7. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

8. Nếu có dấu hiệu suy giảm nguồn nước, xâm nhập mặn, không đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của nhân dân phải dừng ngay việc khai thác và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan.

9. Chỉ khai thác, sử dụng nước phục vụ cho Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất (giai đoạn 1).

10. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuê tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

11. Định kỳ hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về kết quả quan trắc, tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng nước tại công trình Dự án cấp nước thô cho Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất (giai đoạn 1).

12. Công ty phải xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi có hoạt động khai thác.

Điều 3. Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi, Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Chủ tịch UBND các xã: Bình Dương, Bình Đông, Bình Phước; Giám đốc Công ty cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- VPUB: PCVP(NL), NNTN, CBTH;
- Lưu: VT, CN (Inphong379)



Trần Ngọc Căng